

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về mức chi cho các hoạt động khuyến công
Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Xét Tờ trình số 756/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Quy định về mức chi cho các hoạt động khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 779/BC-KTNS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về mức chi cho các hoạt động khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức chi cho các hoạt động khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 11 năm 2025.

4. Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về mức chi cho các hoạt động khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức chi cho các hoạt động khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC và các quy định có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, đặc khu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).
- Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.
- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Mức chi hoạt động khuyến công

- Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ 100% chi phí

nhưng không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật, mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật, mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 450 triệu đồng/cơ sở.

5. Chi hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ cơ quan, đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm trong Thành phố: hỗ trợ 100% chi phí gian hàng chung của Thành phố; chi thông tin tuyên truyền và hoạt động của Ban tổ chức trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong Thành phố tham gia hội chợ.

b) Chi hỗ trợ cơ quan, đơn vị tham gia hội chợ triển lãm ngoài Thành phố: hỗ trợ 100% chi phí gian hàng chung của Thành phố.

c) Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm

khác trong nước, mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

6. Chi tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm cả gian hàng Thành phố nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài: hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay, số người được hỗ trợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố, cấp xã:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố, mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/lần; chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng, mức chi đạt giải cấp Thành phố 05 triệu đồng/sản phẩm đạt giải;

b) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/lần; chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng, mức chi đạt giải cấp xã 02 triệu đồng/sản phẩm đạt giải.

9. Chi hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 15 triệu đồng/nhãn hiệu.

10. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

11. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản

tin ẩn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

12. Chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng các lớp tập huấn:

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng và Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016.

b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi được thực hiện theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

14. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ về khuyến công và cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ về khuyến công: chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố: chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

c) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 20 triệu đồng/phòng trưng bày.

15. Chi quản lý, chương trình đề án khuyến công:

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công được giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi

làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thăm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có).

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

16. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ khuyến công quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.
2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật do huy động hoặc lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện tốt mục tiêu khuyến công.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, các sở, ban ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.